

Số: 08 /2022/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;



Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 438/TTr-STC ngày tháng 26 tháng 4 năm 2022 và Công văn số 986/STC-GCS ngày 5 tháng 5 năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Điều 2. Quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

Đối tượng	Mục đích sử dụng nước	Giá nước sạch sinh hoạt theo lộ trình các năm (đồng/m ³)				
		2022	2023	2024	2025	2026
1	Sinh hoạt của hộ dân cư tại khu vực nông thôn	7.813	8.282	8.779	9.306	9.864
2	Sinh hoạt của hộ dân cư tại khu vực đô thị					
	Mức dưới 10m ³ /đồng hồ/tháng	8.277	8.774	9.300	9.858	10.449
	Từ 10m ³ -20m ³ / đồng hồ/tháng	11.004	11.664	12.364	13.106	13.892
	Trên 20m ³ / đồng hồ/tháng	13.627	14.444	15.311	16.230	17.203
3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân), phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	13.728	14.551	15.424	16.350	17.084
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất					
	Bán lẻ	14.524	15.395	16.319	17.298	18.336
	Bán buôn (si)	14.233	15.087	15.989	16.948	17.965
5	Tổ chức, các nhân kinh doanh dịch vụ	20.793	22.041	23.363	24.765	26.251

Mức giá trên chưa bao gồm thuế, phí. Mức giá nước sinh hoạt của hộ dân cư tại khu vực nông thôn được tính miễn khấu hao tài sản các công trình đối với đơn vị cung cấp nước.

- Giá bán buôn (si): áp dụng cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tại đồng hồ tổng.

- Giá bán lẻ: áp dụng cho các đơn vị, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công; các nhà máy điện; các cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu; nước phục vụ cho công trình xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Trung tâm CNTT;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền

